UBND TỈNH ĐỒNG NAI
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

Số: 30 /GPMT-KCNĐN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 6 tháng 3 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 483/QĐ-KCNĐN ngày 15/12/2023 của Ban Quản lý các KCN về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của Dự án "Sản xuất các loại vỏ nang rỗng dùng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng, công suất thiết kế 1.300 tấn sản phẩm/năm" của Chi nhánh Công ty TNHH Suheung Việt Nam tại đường số 12, KCN Long Thành, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Theo văn bản số 168/KCNĐN-MT ngày 17/01/2024 của Ban Quản lý các KCN về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Suheung Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Suheung Việt Nam tại văn bản số 01/BC-SHVN-GPMT ngày 22/02/2024 về việc chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Suheung Việt Nam, địa chỉ tại đường số 1, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Sản xuất các loại vỏ nang rỗng dùng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng, công

suất thiết kế 1.300 tấn sản phẩm/năm" tại Chi nhánh mới Công ty TNHH Suheung Việt Nam - đường số 12, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Sản xuất các loại vỏ nang rỗng dùng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng, công suất thiết kế 1.300 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động dự án: Đường số 12, KCN Long Thành, xã Tam An, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600840239, đăng ký lần đầu ngày 11/9/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh, mã số chi nhánh: 3600840239-002, đăng ký lần đầu ngày 05/5/2014, đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 11/01/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 4324318124 chứng nhận lần đầu ngày 05/5/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ bảy ngày 03/01/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai cấp.

1.4. Mã số thuế: 3600840239.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các loại vỏ nang rỗng dùng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: diện tích sử dụng đất 55.700 m^2.

- Quy mô: Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Theo tiêu chí môi trường thuộc Dự án đầu tư nhóm II.

- Công suất: Các loại vỏ nang rỗng dùng trong dược phẩm và thực phẩm chức năng với công suất thiết kế 1.300 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình sản xuất:

+ Quy trình sản xuất viên nang thực vật HPMC (Hypromellose): *HPMC (Hypromellose) → Kiểm nghiệm → Cân → Nấu → Hydrat hóa → Pha màu → Ổn định dịch → Tạo hình nang → Sấy → Tách khuôn → Cắt → Ráp nang → Kiểm tra → Điều chỉnh độ ẩm → Đánh bóng → Kiểm tra → Đếm nang → Dò kim loại → Đóng gói → Kiểm thành phẩm → Lưu kho → Xuất hàng.*

+ Quy trình sản xuất viên nang Gelatin: *Gelatin → Kiểm nghiệm → Cân → Nấu → Pha và chỉnh màu → Chỉnh độ nhớt → Ổn định dịch → Nhúng → sấy → Tách khuôn → Cắt → Ráp nang → Kiểm tra → Điều chỉnh độ ẩm → Đánh bóng → Kiểm tra → Đếm nang → Dò kim loại → Đóng gói → Kiểm thành → Lưu kho → Xuất hàng.*

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án:

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 6 tháng 3 năm 2024 đến ngày 6 tháng 3 năm 2034).

Giấy phép môi trường số 69/GPMT-KCNĐN ngày 31/5/2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp cho Công ty TNHH Suheung Việt Nam hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành;
- Công ty TNHH Suheung Việt Nam (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT)

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT -KCNĐN ngày 6 / 3 / 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn) và nước thải sản xuất (từ quá trình vệ sinh thiết bị, từ phòng thí nghiệm; vệ sinh khu vực hệ thống xử lý nước thải; hệ thống xử lý nước tinh khiết (hệ thống lọc RO), xả đáy lò hơi) với tổng lưu lượng khoảng 236 m^3/ngày.

- Nước thải của Công ty được thu gom, xử lý sơ bộ, sau đó đấu nối với KCN Long Thành tại 01 điểm tại trên đường số 12 của KCN Long Thành

- Chủ dự án đã ký Hợp đồng xử lý nước thải số 122/HĐ-SZL-KDTT.NT ngày 27/9/2017 với Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành (là chủ đầu tư hạ tầng KCN Long Thành).

- Chất lượng nước thải trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN: Phải đạt giới hạn tiếp nhận của KCN theo hợp đồng, thỏa thuận giữa Chủ dự án và Công ty Cổ phần Sonadezi Long Thành.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh khu vực xưởng sản xuất, nhà tiện ích, nhà bảo vệ, nhà ăn được xử lý sơ bộ qua 10 bể tự hoại 03 ngăn cùng với nước thải từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên (rửa tay, chân) và nước thải xả cặn đáy lò hơi, được dẫn theo đường ống uPVC D300 mm, i = 0,35% đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Long Thành (qua 01 hố ga đấu nối nằm trên đường số 12 của KCN).

- Nước thải sản xuất được thu gom dẫn theo đường ống qua các hố ga về hệ thống xử lý nước thải HPMC công suất thiết kế 150 m^3/ngày.đêm và hệ thống xử lý nước thải Gelatine công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm của nhà máy xử lý đạt giới hạn tiếp nhận, sau đó nước thải được dẫn theo đường ống uPVC D300 mm, i = 0,35% đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN Long Thành (qua 01 hố ga đấu nối nằm trên đường số 12 của KCN).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. 10 bể tự hoại 03 ngăn (05 bể tại xưởng sản xuất 1 với thể tích 6 m^3/bể; 02 bể tại xưởng sản xuất 2 với thể tích 6 m^3/bể; 01 bể tại nhà tiện ích với thể tích 2 m^3/bể; 01 bể tại nhà bảo vệ với thể tích 4 m^3/bể; 01 bể tại nhà ăn với thể tích 4 m^3/bể).

1.2.2. 01 Hệ thống xử lý nước thải HPMC, công suất thiết kế 150 m^3/ngày.đêm

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: *Nước thải sản xuất → Bể lọc rác → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể phản ứng – Bể keo tụ – Bể điều chỉnh pH – Bể tạo bông bậc 1 → Bể tuyển nổi DAF → Bể chứa nước sau DAF → Bể phản ứng – Bể*

keo tụ – Bể điều chỉnh pH/ tạo bông bậc 2 → Bể lắng Lamella → Bể chứa trung gian 1 → Bồn phản ứng Ozone → Bể chứa trung gian 2 → Bồn lọc cát → Bồn lọc than hoạt tính → Bể chứa đầu ra → Đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Long Thành.

+ Công suất thiết kế: 150 m^3/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: H_2O_2, NaOH, A-Polymer, C-Polymer, $FeCl_3$ (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.2.3. 01 Hệ thống xử lý nước thải Gelatine, công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm

+ Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý: *Nước thải sản xuất → Máy chắn rác tự động → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể khử nitơ A/B – Bể Nitrat A/B – Bể lắng vi sinh – Bể trung gian → Bể keo tụ → Bể điều chỉnh pH → Bể tạo bông – Bể tuyển nổi – Bể chứa → Bể oxy hóa → Bể loại bỏ Cl_2 → Bể chứa nước thải đầu ra (chung với hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 150 ngày.đêm) → Đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải KCN Long Thành.*

+ Công suất thiết kế: 115 m^3/ngày.đêm.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, A-Polymer, C- Polymer, PAC 30%, Dinh dưỡng, Methanol, SBS, NaOCl (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không làm phát sinh thêm chất ô nhiễm).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố*:*

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.
- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.
- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.
- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.
- Trường hợp có sự cố nghiêm trọng, chưa thể khắc phục ngay, thông báo tạm ngưng tiếp nhận nước thải phát sinh tại dự án để khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: tháng 03/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

01 Hệ thống xử lý nước thải Gelatin công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải Gelatin, công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN để tiếp tục xử lý, cụ thể các thông số ô nhiễm chính như sau: pH, Độ màu, COD, BOD_5, TSS, Amoni, Tổng N, Tổng P, Tổng dầu mỡ khoáng.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể: Phải bảo đảm quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Thành theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN Long Thành, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

3.4. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Long Thành để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT -KCNĐN ngày 6 / 3 / 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

- Nguồn số 01: phát sinh từ lò hơi sử dụng khí CNG (không có dòng thải do không có hệ thống xử lý khí thải).
- Nguồn số 02: Từ máy phát điện dự phòng, nhiên liệu sử dụng là dầu DO (không có dòng thải do không có hệ thống xử lý khí thải).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải

- Khí thải phát sinh từ lò hơi: được thải trực tiếp ra ngoài môi trường qua ống khói bằng hợp kim cao 19 m; không có hệ thống xử lý khí thải.
- Khí thải máy phát điện dự phòng: được thải trực tiếp ra môi trường qua ống khói bằng hợp kim cao 10 m; không có hệ thống xử lý khí thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên tiến hành kiểm tra các thiết bị; vệ sinh đường ống.
- Bố trí công nhân vận hành 24/24, nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT -KCNĐN ngày 6 tháng 3 năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ hệ thống Chiller làm lạnh trong xưởng sản xuất;
- Nguồn số 02: Từ máy phát điện;
- Nguồn số 03: Từ lò hơi;
- Nguồn số 04: Từ hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 150 m^3/ngày.đêm;
- Nguồn số 05: Từ hệ thống xử lý nước thải cục bộ, công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Từ khu vực hệ thống Chiller làm lạnh trong xưởng sản xuất; tọa độ vị trí: X=1.196.190; Y=410.172.
- Nguồn số 02: Từ khu vực máy phát điện; tọa độ vị trí: X=1.196.193; Y=410.157.
- Nguồn số 03: Từ khu vực lò hơi; tọa độ vị trí: X=1.196.191; Y=410.177.
- Nguồn số 04: Từ khu vực trạm xử lý nước thải cục bộ công suất thiết kế 150 m^3/ngày.đêm; tọa độ vị trí: X=1.196.088; Y=410.057.
- Nguồn số 05: Từ khu vực trạm xử lý nước thải cục bộ công suất thiết kế 115 m^3/ngày.đêm; tọa độ vị trí: X=1.196.229; Y=410.226.

(Ghi chú: theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^0 45$, múi chiếu 3^0).

3. Tiếng ồn: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	*Khu vực thông thường*

4. Độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

STT	QCVN 27:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	*Khu vực thông thường*

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT -KCNĐN ngày 6 / 3 /2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 291.748 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01	NH	8.053
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	120
3	Hoá chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	19 05 02	KS	134
4	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	2,8
5	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	0,5
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	171
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	171
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật	Rắn	18 02 01	KS	136

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
	liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại				
9	Pin, Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	27
10	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	282.933
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					**291.748**

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 329.067 kg/năm.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải từ vỏ cây, gỗ loại bỏ (pallet gỗ)	Rắn	09 01 02	TT-R	3.067
2	Giấy, bìa	Rắn	12 08 03	TT-R	5.000
3	Nhựa và cao su (bọc nilon)	Rắn	12 08 06	TT-R	33
4	Phế liệu sắt	Rắn	11 04 03	TT-R	300
5	Chất thải không cần thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa ô nhiễm (sản phẩm nang HPMC)	Rắn	13 01 05	TT	237.967
6	Chất thải không cần thu gom, xử lý đặc biệt để ngăn ngừa ô nhiễm (sản phẩm nang gelatin thải bỏ)	Rắn	13 01 05	TT	82.700
	Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)				**329.067**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 37,48 tấn/năm.

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	37,48
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		**37,48**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Khu lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho lưu chứa: 20 m^2 (nằm trong kho lưu chứa chất thải có tổng diện tích 125 m^2).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao và mái che, nền được gia cố chống thấm, có rãnh và hố thu dầu và hóa chất phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng như thùng phuy chứa dầu thải được đặt vào các khay kín chống rò rỉ hoặc dầu chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát khô và giẻ khô, thiết bị bình phòng cháy chữa cháy, đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa, 01 kho diện tích 25 m^2 và 01 kho diện tích 40 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: mái che, tường bao xung quanh, nền chống thấm. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Diện tích kho lưu chứa: 02 kho lưu chứa, diện tích mỗi kho là 20 m^2.

- Thiết bị lưu chứa: thùng chứa chuyên dụng có nắp đậy, dung tích chứa 8 lít, 240 lít đặt tại các khu vực nhà ăn, nhà vệ sinh, văn phòng làm việc và khu vực đường nội bộ xung quanh nhà máy.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 30 /GPMT -KCNĐN ngày 6 / 3 /2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty Cổ

phần Sonadezi Long Thành, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI